TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2025/HNGĐ-ST
Ngày 26 – 5 – 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Sĩ Hùng
Ông Trịnh Anh Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Tô Huyền Trang – *Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 26 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:125/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Huỳnh Ngọc T, sinh ngày: 13/10/2001. Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt).

**** Bị đơn:*** Ông Trần Quốc A, sinh năm: 1999. Địa chỉ thường trú: ấp N, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Nơi cư trú: Nhà không số, đường N, khóm 9, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 03/3/2025, Bản tự khai và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc T trình bày:

Về hôn nhân: Bà T và ông Trần Quốc A kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 28/7/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, ông Quốc A không lo kinh tế gia đình. Bà và ông Quốc A đã ly thân khoảng một năm nay, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm không còn. Bà T yêu cầu ly hôn với ông Quốc A.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Trần Huỳnh Khả Hn, sinh ngày 22/01/2020. Khi ly hôn bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông Quốc A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập ông Trần Quốc A và thông báo thụ lý về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Tú A, ông Quốc A không đến Tòa án theo triệu tập cũng không gửi văn bản ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Huỳnh Ngọc T và ông Trần Quốc A kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/7/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Bà T yêu cầu ly hôn với ông Quốc A. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với ông Quốc A, Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng để triệu tập ông Quốc A đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng ông Quốc A đều vắng mặt không rõ lý do. Nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Quốc A đúng theo quy định tại Điều 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà T xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do ông Quốc A không chăm lo phát triển kinh tế gia đình, do bất đồng quan điểm sống. Bà T và ông Quốc A đã ly thân, không còn chung sống khoảng một năm, nay tình cảm không còn. Bà T kiên quyết ly hôn, ông Quốc A không yêu cầu hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, thể hiện hôn nhân của ông bà đã có mâu thuẫn, không thể hàn gắn nên chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông Quốc A.

[4] Về con chung: có 01 người con chung tên Trần Huỳnh Khả H, sinh ngày 22/01/2020. Khi ly hôn bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu ông Quốc A cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có tài sản chung và không có nợ chung. Ông Quốc A không có ý kiến, không yêu cầu gì về tài sản chung và nợ chung. Đến nay không có cá nhân tổ chức nào yêu cầu trách nhiệm trả nợ của bà T và ông Quốc A. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nợ chung và tài sản chung.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình bà T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Các Điều 28, 147, 207, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí.

Về hôn nhân: Bà Huỳnh Ngọc T được ly hôn với ông Trần Quốc A

Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Trần Huỳnh Khả H, sinh ngày 22/01/2020 cho bà Huỳnh Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng. Không xem xét giải quyết trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Quốc A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*, bà Huỳnh Ngọc T phải nộp. Ngày 03/3/2025 bà Huỳnh Ngọc T đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tại Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau theo lai thu số 0010408 được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Phan Thị Thu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau
- UBND xã Hòa Tân, H.Cầu Kè, T.Trà Vinh
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.